

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ AN THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **08** /NQ- HĐND

An Thành, ngày 04 tháng 08 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
và kế hoạch đầu tư công năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ AN THÀNH
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng năm 2025;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND các xã cũ trước khi sắp xếp về việc phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch đầu tư công năm 2025;

Xét Tờ trình số 08/TTr-UBND ngày 01/08/2025 của Ủy ban nhân dân xã về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 01/BC-KTNS ngày 01/08/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã và ý kiến thảo luận của các đại biểu tham dự kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 với những nội dung như sau:

I. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 xã An Thành trước sắp xếp

Tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao của 03 xã trước sắp xếp gồm: xã Ngũ Phúc, xã Kim Tân, xã Kim Đính là 188 tỷ 541 triệu đồng, cụ thể như sau:

1.1. Xã Ngũ Phúc

Tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao là: 50 tỷ 022 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương: 11 tỷ 400 triệu đồng;
- Nguồn vốn ngân sách tỉnh là: 3 tỷ 792 triệu đồng;
- Nguồn vốn ngân sách huyện, xã là: 33 tỷ 393 triệu đồng.
- Vốn khác: 1 tỷ 437 triệu đồng.

1.2. Xã Kim Tân

Tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao là: 91 tỷ 253 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh là: 16 tỷ 913 triệu đồng;
- Nguồn vốn ngân sách huyện, xã là: 70 tỷ 100 triệu đồng;
- Nguồn vốn khác: 4 tỷ 240 triệu đồng.

1.3. Xã Kim Đính

Tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao là: 47 tỷ 266 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh là: 8 tỷ 087 triệu đồng;
- Nguồn vốn ngân sách huyện, xã là: 38 tỷ 581 triệu đồng.
- Vốn khác: 598 triệu đồng.

2. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của xã An Thành sau sắp xếp

2.1. Tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của xã An Thành sau sắp xếp là: 188 tỷ 541 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn ngân sách trung ương: 11 tỷ 400 triệu đồng;
- Nguồn vốn ngân sách tỉnh là: 28 tỷ 792 triệu đồng;
- Nguồn vốn ngân sách xã là: 142 tỷ 074 triệu đồng;
- Nguồn vốn khác: 6 tỷ 275 triệu đồng;

2.2. Điều chỉnh giảm vốn kế hoạch ngân sách xã phân bổ 16 công trình của 03 xã trước sắp xếp chưa triển khai là: 53 tỷ 159 triệu đồng, gồm các công trình như sau:

- Xây dựng 2km đường giao thông bê tông xi măng nội đồng xã Kim Đính: 3.500 triệu đồng;
- Sửa chữa các hạng mục trường THCS xã Kim Đính: 3.500 triệu đồng;
- Kiên cố hóa 1,5km kênh mương xã Kim Đính: 2.500 triệu đồng;
- XD 08 phòng học trường Mầm non Kim Đính: 7.000 triệu đồng;



- Mở rộng 1,5km đường trục xã Kim Định: 4.000 triệu đồng;
- Đường giao thông xóm 7,8 xã Ngũ Phúc là: 300 triệu đồng;
- Nâng cấp, cải tạo chợ trung tâm xã Ngũ Phúc: 1.500 triệu đồng;
- Tường bao khuôn viên trường Tiểu học Ngũ Phúc: 1.000 triệu đồng;
- Sửa chữa nhà văn hóa thôn Dưỡng Mông, xã Ngũ Phúc: 200 triệu đồng;
- Nhà đa năng trường Tiểu học Ngũ Phúc: 3.000 triệu đồng;
- Nâng cấp đường giao thông 03 thôn (thôn Quảng Đạt, Dưỡng Mông, Bằng Lai) là: 3.000 triệu đồng;
- Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng móng 3 tầng trường THCS Ngũ Phúc: 6.553 triệu đồng;
- Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường THCS Kim Tân: 11 tỷ 806 triệu đồng;
- Nhà đa năng trường THCS Kim Tân: 3.000 triệu đồng;
- Sửa chữa trụ sở làm việc 3 tầng, hội trường UBND xã: 800 triệu đồng;
- Cải tạo nâng cấp khuôn viên UBND xã: 1 tỷ 500 triệu đồng.

2.3. Điều chỉnh tăng vốn ngân sách xã của 05 công trình xã An Thành sau sắp xếp: 7 tỷ 500 triệu đồng, gồm các công trình sau:

- Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn: 500 triệu đồng;
- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 05 thôn Hải Ninh, xã Kim Tân (cũ) là: 2 tỷ 402 triệu đồng;
- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 04 thôn Viên Chử, xã Kim Tân (cũ) là: 1 tỷ 988 triệu đồng;
- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 03 thôn Viên Chử, xã Kim Tân (cũ) là: 2 tỷ 299 triệu đồng;
- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 02 thôn Viên Chử, xã Kim Tân (cũ) là: 311 triệu đồng.

2.4. Tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của xã An Thành sau điều chỉnh là: 142 tỷ 882 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn ngân sách trung ương: 11 tỷ 400 triệu đồng;
- Nguồn vốn ngân sách tỉnh là: 28 tỷ 792 triệu đồng;
- Nguồn vốn ngân sách xã là: 96 tỷ 415 triệu đồng;
- Nguồn vốn khác: 6 tỷ 275 triệu đồng;

(Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm)

III. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

1. Kế hoạch đầu tư công năm 2025 xã An Thành trước sắp xếp:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công giao của 03 xã: Kim Đinh, Kim Tân, Ngũ Phúc trước sắp xếp là: 24 tỷ 096 triệu đồng, trong đó:

1.1. Xã Ngũ Phúc:

Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2025 đã giao là: 6 tỷ 218 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh là: 1 tỷ 781 triệu đồng,
- Nguồn vốn ngân sách xã là: 3.000 triệu đồng,
- Vốn khác: 1 tỷ 437 triệu đồng.

1.2. Xã Kim Tân

Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2025 đã giao là: 14 tỷ 080 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh là: 10 tỷ 876 triệu đồng.
- Nguồn vốn ngân sách huyện, xã là: 3.000 triệu đồng;
- Vốn khác: 204 triệu đồng.

1.3. Xã Kim Đinh

Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2025 đã giao là: 3 tỷ 798 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn ngân sách tỉnh là: 1 tỷ 700 triệu đồng;
- Nguồn vốn ngân sách xã là: 1.500 triệu đồng;
- Vốn khác: 598 triệu đồng.

2. Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của xã An Thành sau sắp xếp.

2.1. Điều chỉnh giảm vốn kế hoạch đầu tư công giao đầu năm 2025 của 03 xã trước sắp xếp là 7 tỷ 500 triệu đồng, đồng thời tăng tương ứng vốn giao kế hoạch đầu tư công xã An Thành là 7 tỷ 500 triệu đồng, gồm 05 dự án:

- Điều chỉnh quy hoạch cục bộ 03 xã, Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư NTM: 500 triệu đồng;

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 05 thôn Hải Ninh, xã Kim Tân (cũ) là: 2 tỷ 402 triệu đồng;

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 04 thôn Viên Chử, xã Kim Tân (cũ) là: 1 tỷ 988 triệu đồng;

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 03 thôn Viên Chử, xã Kim Tân (cũ) là: 2 tỷ 299 triệu đồng;

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 02 thôn Viên Chử, xã Kim Tân (cũ) là: 311 triệu đồng.

2.2. Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2025 của xã An Thành sau điều chỉnh là: 24 tỷ 096 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh là: 14 tỷ 357 triệu đồng;
- Nguồn vốn giao kế hoạch ngân sách xã là: 7 tỷ 500 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục 02 đính kèm)

2.3. Kế hoạch nguồn vốn đầu tư công theo chỉ tiêu phân đầu năm 2025.

- Dự kiến phân bổ nguồn vốn đầu tư công theo chỉ tiêu phân đầu là 15 tỷ 444 triệu đồng, trong đó thanh toán trả nợ XDCB là: 7 tỷ 944 triệu đồng.

- Từ nguồn đầu giá đất các khu dân cư sau:

+ Điểm dân cư mới thôn Dưỡng Mông, xã Ngũ Phúc (cũ) đã đấu quý II (Theo Quyết định số 3628/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của UBND huyện Kim Thành), dự kiến hưởng tỷ lệ điều tiết thu tiền sử dụng đất là: 3 tỷ 992 triệu đồng.

+ Điểm dân cư mới thôn Thiên Đông, xã Kim Tân (cũ) đã đấu quý II (Theo Quyết định số 3627/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của UBND huyện Kim Thành), dự kiến hưởng tỷ lệ điều tiết thu tiền sử dụng đất là: 3 tỷ 485 triệu đồng.

+ Điểm dân cư mới thôn Phù Tả II, đội 5,6 xã Kim Đính (cũ) đã đấu quý II (Theo Quyết định số 2526/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND huyện Kim Thành), dự kiến hưởng tỷ lệ điều tiết thu tiền sử dụng đất là: 7 tỷ 319 triệu đồng.

+ Điểm dân cư mới thôn Thiên Đông, xã Kim Tân (cũ), dự kiến đấu quý IV, tỷ lệ điều tiết thu tiền sử dụng đất là: 648 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục 03 đính kèm)

Điều 2. Hội đồng nhân dân xã giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

- Giao cho UBND xã quyết định, điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đối với các công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách xã.

Trong quá trình điều hành ngân sách, có những vấn đề phát sinh, Ủy ban nhân dân xã giải quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Giao thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban HĐND, các đại biểu HĐND xã kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được HĐND xã An Thành khóa I, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 04 tháng 08 năm 2025. /.

Nơi nhận :

- TT: HĐND TP Hải Phòng;
 - TT: UBND TP Hải Phòng
 - Sở Tư pháp Thành phố;
 - Sở Tài chính Thành phố
 - Ban thường vụ Đảng ủy xã;
 - Thường trực HĐND xã;
 - Lãnh đạo UBND xã;
 - TT: Ủy ban MTTQ xã;
 - Các Ban HĐND xã;
 - Các đại biểu HĐND xã;
 - Các phòng ban, ngành, đoàn thể xã;
 - Lưu VT, HSKH.
- } Để bc



Trần Văn Hưng

NHU CẦU VÀ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 SAU SẮP XẾP

(Kèm theo Nghị quyết số **7NQ-HĐND** ngày **14** tháng **8** năm 2025 của HĐND xã An Thành)

DVT: triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Tháng/năm khởi công- hoàn thành (dự kiến hoàn thành)	Tổng mức đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Còn nợ đến hết ngày 31/12/2020	Dự kiến Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025										Ghi chú
				Tổng mức đầu tư (lần cuối cùng)	Trong đó, vốn NSDP nguồn ngân sách tỉnh	Kế hoạch vốn giao trước sắp xếp			Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm	Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025 sau phân bố, điều chỉnh							Trong đó, thanh toán nợ XDCB		
										Tổng số (tất cả nguồn)	Bảo gồm								
											NS trung ương	NS tỉnh	NS địa phương (huyện, xã)	Vốn khác					
1	2		3	5	6				7		8	9	11	10	12	13	14		
	Tổng cộng:			238.624	31.806	25.006	20.781	188.541	(45.659)	142.882	11.400	28.792	96.415	6.275	20.781				
1	Các dự án hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2020			39.992	14.242	20.432	13.859	13.859	-	13.859	-	7.889	5.959	11	13.859				
1	NLH 2 tầng 10 phòng trường Tiểu học Kim Đính	xã Kim Đính	2019-2020	5.107	500	4.466	1.814	1.814	-	1.814			500	1.314	1.814				
2	Nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ	xã Kim Đính	2020-2020	2.200	-	779	1.421	1.421		1.421				1.410	11	1.421			
3	Hàng mục hàng rào trường Mầm non Hải Ninh	xã Kim Tân	2018-2018	1.057		964	93	93		93				93		93			
4	Công, tường rào hoa sắt, mương thoát nước trường Mầm non Hải Ninh	xã Kim Tân	2018-2018	1.131		1.036	95	95		95				95		95			
5	Cải tạo nhà 1 tầng 4 phòng trường Mầm non Kim Tân	xã Kim Tân	2019-2019	966	834	-	834	834		834			834			834			
6	XD nhà 1 tầng 5 phòng học trường Mầm non Hải Ninh	Xã Kim Tân	2018-2018	5.257	250	4.933	324	324		324			250	74		324			
7	Cải tạo sân vườn nhà văn hóa thôn Hải Ninh, xã Kim Tân	Xã Kim Tân	2019-2019	327	276	-	277	277		277			277			277			
8	Cải tạo sân vườn nhà văn hóa thôn Viên Chủ, xã Kim Tân; Hàng mục: tôn nền sân, nhà xe, nhà văn hóa	Xã Kim Tân	2019-2019	530	454	-	454	454		454			454			454			

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Tháng/năm khởi công- Tháng/năm hoàn thành (dự kiến hoàn thành)	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bổ trí đến hết năm 2020	Còn nợ đến hết ngày 31/12/2020	Dự kiến Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025							Trong đó, thanh toán nợ XD CB	Ghi chú
								Kế hoạch vốn giao trước sắp xếp	Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm	Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025 sau phân bố, điều chỉnh				Trong đó, thanh toán nợ XD CB		
										Tổng mức đầu tư (tần cuối cùng)	Trong đó, vốn NSDP nguồn ngân sách tỉnh					
9	Cải tạo, sửa chữa hội trường trung tâm xã Kim Tân	xã Kim Tân	2019-2019	938	799	-	799	799		799		799		799		
10	Nhà nhạc họa và lân tôn trường Mầm non Kim Tân	Xã Kim Tân	2019-2019	315	270	-	270	270		270		270		270		
11	Sửa chữa, cải tạo công, hàng rào, rãnh thoát nước UBND xã Kim Tân	Xã Kim Tân	2019-2019	1.017	884	-	884	884		884		884		884		
12	Xây dựng nhà vệ sinh UBND xã Kim Tân	Xã Kim Tân	2020-2020	528	459	-	459	459		459		459		459		
13	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ	Xã Kim Tân	2018-2018	1.062	389	607	455	455		389	66			455		
14	San lấp và xây mới công, hàng rào nghĩa trang liệt sỹ xã Kim Tân	Xã Kim Tân	2018-2018	950	631	45	868	868		631	237			868		
15	Các hạng mục phụ trợ trường Mầm non xã Kim Tân. Công trình: Nhà vòm, khu thực nghiệm	Xã Kim Tân	2019-2019	1.085	321	620	465	465		321	144			465		
16	Tuyến đường nội đồng từ đường nhựa đến nghĩa trang thôn Viên Chử, xã Kim Tân	Xã Kim Tân	2020-2020	1.699	218	1.240	459	459		218	241			459		
17	Nâng tầng 2 và mái chống nóng NLH 1 tầng 5 phòng trường Mầm non Kim Tân	Xã Kim Tân	2019-2019	4.808	962	2.450	2.358	2.358		962	1.396			2.358		
18	NLH 2 tầng 8 phòng móng 3 tầng trường THCS	xã Kim Tân	2018-2019	7.011	6.795	216	216	216			216			216		
19	Nâng tầng 3 NLH 2 tầng 8 phòng trường THCS Kim Tân	xã Kim Tân	2019-2020	2.023	200	1.794	615	615		200	415			615		
20	Cải tạo nhà hiệu bộ, NLH 2 tầng 6 phòng và san nền sân tập trường THCS Kim Tân	xã Kim Tân	2019-2020	892	-	782	110	110			110			110		
21	Các hạng mục phụ trợ trường Mầm non Kim Tân; Hạng mục: Sân, vườn rãnh thoát nước	xã Kim Tân	2019-2019	1.089		500	589	589		441	148			589		

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Tháng/năm khởi công- Tháng/năm hoàn thành (dự kiến hoàn thành)	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bổ trí đến hết năm 2020	Còn nợ đến hết ngày 31/12/2020	Dự kiến Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025							Trong đó, thanh toán nợ XD CB	Ghi chú
				Tổng mức đầu tư (tần cuối cùng)	Trong đó, vốn NSDP nguồn ngân sách tỉnh			Kế hoạch vốn giao trước sắp xếp	Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm	Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025 sau phân bổ, điều chỉnh				Trong đó, thanh toán nợ XD CB		
										Tổng số (tất cả nguồn)	Bao gồm					
											NS trung ương	NS tỉnh	NS địa phương (huyện, xã)			
II	Các dự án chuyển tiếp và dự kiến hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025			11.520	3.301	4.574	6.922	6.922	-	6.922	-	3.301	3.621	-	6.922	
1	Cải tạo nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Kim Tân. Hàng mục: Sân vườn kỷ đài, nhà bia, cột cờ, mộ liệt sỹ	xã Kim Tân	2020-2021	4.682	1.971	1.714	2.968	2.968		2.968		1.971	997		2.968	
2	Nhà hiệu bộ trường Tiểu học Kim Đình	Xã Kim Đình	2020-2021	4.770	1.330	1.000	3.746	3.746		3.746		1.330	2.416		3.746	
3	Nhà hiệu bộ trường Tiểu học Kim Đình; Hàng mục bể bơi và nhà thay đồ	Xã Kim Đình	2020-2021	2.068	-	1.860	208	208		208			208		208	
III	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025, dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021- 2025			187.112	14.263	-	-	167.760	(45.659)	122.101	11.400	17.602	86.835	6.264	-	
1	Trụ sở Công an xã Kim Đình	Xã Kim Đình	2023-2024	6.140	3.835			6.140		6.140		3.835	2.257	48		
2	Xây dựng tuyến đường trục xã (từ QL17B đến ngã tư đôi 18), xã Kim Đình cũ	xã Kim Đình	2024-2025	5.903				5.494		5.494			4.958	536		
3	Đường giao thông Sông Mới xã Kim Đình cũ	xã Kim Đình	2024-2025	1.034				1.028		1.028			1.025	3		
4	Trạm y tế xã Kim Đình	xã Kim Đình	2024-2025	6.425	600			1.655		1.655		600	1.055			
5	NLH 2 tầng 6 phòng trường Mầm non Kim Đình	Xã Kim Đình	2024-2025	8.945	1.822			5.260		5.260		1.822	3.438			
6	XD 2km đường Giao thông Bé tông xi măng nội đồng	Xã Kim Đình	2022	3.500				3.500	(3.500)	-						
7	Sửa chữa các hạng mục trường THCS	Xã Kim Đình	2023	3.500				3.500	(3.500)	-						

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Tháng/năm khởi công- Tháng/năm hoàn thành (dự kiến hoàn thành)	Tổng mức đầu tư		Lấy kế vốn đã bổ trí đến hết năm 2020	Còn nợ đến hết ngày 31/12/2020	Dự kiến Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025							Trong đó, thanh toán nợ XD CB	Ghi chú
				Tổng mức đầu tư (tần cuối cùng)	Trong đó, vốn NSDP nguồn ngân sách tỉnh			Kế hoạch vốn giao trước sắp xếp	Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm	Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025 sau phân bổ, điều chỉnh				Trong đó, thanh toán nợ XD CB		
										Tổng số (tất cả nguồn)	Bao gồm					
											NS trung ương	NS tỉnh	NS địa phương (huyện, xã)			
8	Kiến cổ hóa 1,5km kênh mương	Xã Kim Đình	2023	2.500				2.500	(2.500)	-						
9	08 phòng học trường Mầm non Kim Đình	Xã Kim Đình	2024	7.000				7.000	(7.000)	-						
10	Mở rộng 1,5 km đường trục xã	Xã Kim Đình	2025	4.000				4.000	(4.000)	-						
11	Cải tạo sửa chữa trụ sở UBND xã Ngũ Phúc	xã Ngũ Phúc	2022-2022	3.409				3.409		3.409	600			2.809		
12	Các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Ngũ Phúc, điểm trường Quảng Đạt, Hạng mục: công, tường rào, sân lát gạch	xã Ngũ Phúc	2022-2022	1.456				1.456		1.456	400			1.056		
13	NLH 2 tầng 10 phòng móng 3 tầng trường Tiểu học Ngũ Phúc	xã Ngũ Phúc	2022-2023	8.024				8.024	-	8.024	3.700			3.948	376	
14	Nâng tầng 3 NLH 2 tầng 10 phòng móng 3 tầng trường Tiểu học Trung tâm xã Ngũ Phúc	xã Ngũ Phúc	2023-2024	3.727	422			3.727		3.727		422		2.996	309	
15	Xây dựng trụ sở công an xã Ngũ Phúc	xã Ngũ Phúc	2023-2024	6.522	1.839			6.552		6.552		1.839		4.551	162	
16	Nhà làm việc một cửa, nhà xe, nhà vệ sinh và sân bê tông trụ sở UBND xã Ngũ Phúc	xã Ngũ Phúc	2023-2024	3.297	383			3.297		3.297	1.700	383		1.214		
17	Xây dựng đường Giao thông nội đồng, đoạn từ đê 18 xuống bãi cao thôn Bằng Lai xã Ngũ Phúc	xã Ngũ Phúc	2023-2023	5.660				5.660		5.660	4.000	1.148		503	9	
18	Xây dựng đường giao thông nội đồng, đoạn từ Giếng Lự đến Chiềng Ngai xã Ngũ Phúc	xã Ngũ Phúc	2024-2024	1.130				1.130		1.130	1.000				130	
19	Xây dựng kênh mương nội đồng khu vực đê sâu thôn Dương Mông xã Ngũ Phúc	xã Ngũ Phúc	2024-2024	426				426		426				363	63	

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Tháng/năm khởi công- Tháng/năm hoàn thành (dự kiến hoàn thành)	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bổ trí đến hết năm 2020	Còn nợ đến hết ngày 31/12/2020	Dự kiến Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025							Trong đó, thanh toán nợ XD/CB	Ghi chú
				Tổng mức đầu tư (tần cuối cùng)	Trong đó, vốn NSDP nguồn sách tỉnh			Kế hoạch vốn giao trước sắp xếp	Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm	Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025 sau phân bố, điều chỉnh				Trong đó, thanh toán nợ XD/CB		
										Tổng số (tất cả nguồn)	Bao gồm					
											NS trung ương	NS tỉnh	NS địa phương (huyện, xã)			
20	Đường giao thông xóm 7,8	xã Ngũ Phúc	2024-2024	700				700	(300)	400			400			
21	Nâng cấp, cải tạo trụ trung tâm xã	xã Ngũ Phúc	2024-2024	1.500				1.500	(1.500)	-						
22	Nâng cấp mở rộng đường giao thông nông thôn Đường Mông xã Ngũ Phúc (đoạn từ nhà ông Thi đến nhà ông Nhấn	xã Ngũ Phúc	2024-2024	388				388		388					388	
22	Tường bao khuôn viên trường Tiểu học Ngũ Phúc	xã Ngũ Phúc	2025	1.000				1.000	(1.000)	-						
23	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Dương Mông	xã Ngũ Phúc	2025	200				200	(200)	-						
24	Nhà đa năng trường Tiểu học Ngũ Phúc	xã Ngũ Phúc	2025	3.000				3.000	(3.000)	-						
25	Nâng cấp đường giao thông 03 thôn (Thôn Quàng Đạt, Dương Môn, Bằng Lai)	xã Ngũ Phúc	2025	3.000				3.000	(3.000)	-						
26	NLH 2 tầng 4 phòng móng 3 tầng trường THCS Ngũ Phúc	xã Ngũ Phúc	2025	6.553				6.553	(6.553)	-						
27	Nhà tiểu học Kim Tân; Hạng mục: NLH 3 tầng 9 phòng	xã Kim Tân	2021-2022	9.543				9.543		9.543		2.000	7.543			
28	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Kim Tân (Đoạn từ 390E đến xóm 5 thôn Hải Ninh); Hạng mục: Nền mặt đường bê tông xi măng)	xã Kim Tân	2021-2022	3.962				3.962		3.962		625	3.337			
29	XD đường giao thông giải đá áp phan (1,5km)	xã Kim Tân	2023-2024	4.500				4.500		4.500			4.500			
30	Xây dựng kiên cố hóa kênh mương	xã Kim Tân	2023-2024	3.233				3.233		3.233			3.233			

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Tháng/năm khởi công- Tháng/năm hoàn thành (dự kiến hoàn thành)	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bổ trí đến hết năm 2020	Còn nợ đến hết ngày 31/12/2020	Dự kiến Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025						Trong đó, thanh toán nợ XD/CB	Ghi chú
				Tổng mức đầu tư (tần cuối cùng)	Trong đó, vốn NSDP nguồn ngân sách tỉnh			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025 sau phân bổ, điều chỉnh					Trong đó, thanh toán nợ XD/CB		
								Kế hoạch vốn giao trước sắp xếp	Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm	Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025 sau phân bổ, điều chỉnh					
										Tổng số (tất cả nguồn)	Bao gồm				
				NS trung ương	NS tỉnh	NS địa phương (huyện, xã)									
31	Hỗ trợ nhân dân làm đường bê tông	xã Kim Tân	2021-2023	1.337				1.337			1.337				
32	Sửa chữa kè, cấp nề đường Đồng Khâm Viên Chừ đi xóm 18+kè bờ ao trạm y tế	xã Kim Tân	2022-2023	800				500			500				
33	Công nghệ trang liệt sỹ xã Kim Tân	xã Kim Tân	2022-2023	302				302			302				
34	XD tuyến đường giao thông nội đồng bê tông xi măng tiêu chí NTM	xã Kim Tân	2023-2025	8.400				8.400			5.000	3.400			
35	Trường Tiểu học Kim Tân; hạng mục: nhà bếp ăn, nghỉ bán trú 2 tầng	xã Kim Tân	2022-2023	3.992	244			3.770			244	3.526			
36	Trường Tiểu học Kim Tân; hạng mục: nhà đa năng	xã Kim Tân	2022-2023	4.615	2.538			6.564			2.538	4.026			
37	Trường Tiểu học Kim Tân; Hạng mục: Bể bơi và nhà thay đồ	xã Kim Tân	2022-2022	3.374	100			3.320			100	3.220			
38	Cải tạo cổng, tường rào trường THCS Kim Tân	xã Kim Tân	2021-2022	500	214			497			214	283			
39	Xây kè muơng giáp điểm dân cư thôn Thiên Đông và mở rộng cầu vào trường THCS Kim Tân	xã Kim Tân	2021-2022	483	307			457			307	150			
40	Trụ sở làm việc Công an xã Kim Tân	xã Kim Tân	2023-2024	6.228	1.525			5.910			1.525	4.385			
41	Xây dựng kè đường vào trạm y tế xã Kim Tân	xã Kim Tân	2023-2023	500	434			497				497			
42	Cải tạo sân vườn trường Tiểu học Kim Tân	xã Kim Tân	2024-2024	547	-			540				540			
43	Tư vấn khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư số 1- thôn Viên Chừ, xã Kim Tân	xã Kim Tân	2024-2024	186				186				186			



ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Tháng/năm khởi công- Tháng/năm hoàn thành (dự kiến hoàn thành)	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bổ trí đến hết năm 2020	Còn nợ đến hết ngày 31/12/2020	Dự kiến Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025						Trong đó, thanh toán nợ XDCB	Ghi chú	
				Tổng mức đầu tư (tần cuối chung)	Trong đó, vốn NSDP ngân sách tỉnh			Kế hoạch vốn giao trước sắp xếp	Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm	Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025 sau phân bổ, điều chỉnh						Trong đó, thanh toán nợ XDCB
										Tổng số (tất cả nguồn)	Bao gồm					
											NS trung ương	NS tỉnh	NS địa phương (huyện, xã)			
44	Tư vấn khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư số 2- thôn Viên Chừ, xã Kim Tân	xã Kim Tân	2024-2024	186				186		186			186			
45	Tư vấn khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư số 3- thôn Viên Chừ, xã Kim Tân	xã Kim Tân	2024-2024	190				190		190			190			
46	Tư vấn khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư số 4- thôn Viên Chừ, xã Kim Tân	xã Kim Tân	2024-2024	190				190		190			190			
47	Tư vấn khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư số 5- thôn Viên Chừ, xã Kim Tân	xã Kim Tân	2024-2024	191				191		191			191			
48	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thiên Đông	xã Kim Tân	2024-2024	1.840				1.840		1.840			1.000	840		
49	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Công Dừa xã Kim Tân	xã Kim Tân	2025-2025	585				537		537			537			
50	Cải tạo công và đường vào trường Tiểu học Kim Tân	xã Kim Tân	2025-2025	438				1.688		1.688			1.688			
51	Nâng cấp cải tạo đường giao thông nội đồng thôn Hải Ninh, xã Kim Tân (đoạn từ đường xóm ra đến khu trang trại ông Khoái)	xã Kim Tân	2025-2025	486				486		486			486			
52	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội đồng thôn Thiên Xuân, xã Kim Tân (đoạn từ khu dân đồng ra đến khu chăn nuôi)	xã Kim Tân	2025-2025	484				484		484			484			
53	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội đồng số 7, xã Kim Tân đoạn từ ruộng ông Nhà đến giáp xóm 8	xã Kim Tân	2025-2025	485				485		485			485			
54	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội đồng số 7, xã Kim Tân, đoạn từ ruộng ông Trung đến giáp xóm 8	xã Kim Tân	2025-2025	493				493		493			493			

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Tháng/năm khởi công- Tháng/năm hoàn thành (dự kiến hoàn thành)	Tổng mức đầu tư		Lấy kế vốn đã bổ trí đến hết năm 2020	Còn nợ đến hết ngày 31/12/2020	Dự kiến Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025							Trong đó, thanh toán nợ XD/CB	Ghi chú	
				Tổng mức đầu tư (lần cuối cùng)	Trong đó, vốn NSDP nguồn ngân sách tỉnh			Kế hoạch vốn giao trước sắp xếp	Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm	Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025 sau phân bổ, điều chỉnh				Trong địa phương (huyện, xã)			Vốn khác
										Tổng số (tất cả nguồn)							
										Bao gồm							
				NS trung ương	NS tỉnh	NS địa phương (huyện, xã)											
	Lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết, lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới thôn Hải Ninh, xã Kim Tân	xã Kim Tân	2023-2025	267				267		267							
56	NLH 3 tầng 12 phòng trường THCS Kim Tân	xã Kim Tân	2024-2025	11.806				11.806 (11.806)		-							
57	Nhà đa năng trường THCS	xã Kim Tân	2025	3.000				3.000 (3.000)		-							
58	Sửa chữa trụ sở làm việc 3 tầng, hội trường UBND xã	xã Kim Tân	2025	800				800 (800)		-							
59	Cải tạo nâng cấp khuôn viên UBND xã	xã Kim Tân	2025	1.500				1.500 (1.500)		-							
60	Điều chỉnh quy hoạch cục bộ 3 xã, Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư NTM	Xã An Thành	2025	500				500		500				500			
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 05 thôn Hải Ninh, xã Kim Tân	Xã An Thành	2025	7.339				2.402		2.402				2.402			
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 04 thôn Viên Chừ, xã Kim Tân	Xã An Thành	2025	2.115				1.988		1.988				1.988			
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 03 thôn Viên Chừ, xã Kim Tân	Xã An Thành	2025	2.445				2.299		2.299				2.299			
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 2 thôn Viên Chừ, xã Kim Tân	Xã An Thành	2025	331				311		311				311			
V	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025, dự kiến hoàn thành sau năm 2025																



NHU CẦU VÀ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 SAU SẮP XẾP

(Kèm theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của HĐND xã An Thạnh)

ĐVT: triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyệt	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024	Còn nợ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn giao năm 2025 (trước sắp xếp)	Điều chỉnh tăng giảm	Kế hoạch vốn năm 2025 (sau điều chỉnh)					Trong đó: Thanh toán XD CB	Phân bổ vốn năm 2025 theo chỉ tiêu phân đầu so kế hoạch vốn giao	Ghi chú
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách địa phương (huyện, xã)	Vốn khác			
1	2		3	4	5	6			8	9	10	11	12			14
	Tổng cộng:			139.798	73.401	22.184	24.096	0	24.096	-	14.357	7.500	2.239	15.748	15.444	
I	Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2024 trở về trước			87.865	61.109	19.197	19.853 (4.000)		15.853	-	14.357	-	1.496	15.544	3.554	
1	Cải tạo nhà 1 tầng 4 phòng trường mầm non xã Kim Tân	Xã Kim Tân	2019-2019	966	-	949	834		834		834			834	115	
2	XD Nhà 1 tầng 5 phòng học trường mầm non Hải Ninh	Xã Kim Tân	2018-2018	5.257		74			-		-			-	74	
3	Cải tạo sân vườn nhà văn hóa thôn Hải Ninh, xã Kim Tân	Xã Kim Tân	2019-2019	344	-	321	276		276		276			276	45	
4	Cải tạo nhà văn hóa thôn Viên Chũ, xã Kim Tân; Hàng mục: tôn nền sân, nhà để xe, nhà văn hóa, cổng tường rào, nhà vệ sinh	Xã Kim Tân	2019-2019	530	-	521	454		454		454			454	67	
5	Cải tạo, sửa chữa hội trường trung tâm xã Kim Tân	Xã Kim Tân	2019-2019	938	-	922	799		799		799			799	123	
6	Nhà nhạc họa và lân tôn trường mầm non Kim Tân	Xã Kim Tân	2019-2019	315	-	310	270		270		270			270	40	
7	Sửa chữa, cải tạo cổng, hàng rào, rãnh thoát nước UBND xã Kim Tân	Xã Kim Tân	2019-2019	1.017	-	1.006	884		884		884			884	122	

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyet	Lũy kế vốn đã bổ trí đến hết năm 2024	Còn nợ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn giao năm 2025 (trước sắp xếp)	Điều chỉnh tăng giảm	Kế hoạch vốn năm 2025 (sau điều chỉnh)					Trong đó: Thanh toán XD/CB	Phân bổ vốn năm 2025 theo chỉ tiêu phân đầu so kế hoạch vốn giao	Ghi chú
									Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NS trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách địa phương (huyện, xã)	Vốn khác			
8	Xây dựng nhà vệ sinh UBND xã Kim Tân	Xã Kim Tân	2020-2020	528	-	522	459		459		459			459	63	
9	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ	Xã Kim Tân	2018-2018	1.062	-	446	389		389		389			389	57	
10	Công nghĩa trang liệt sỹ xã Kim Tân	xã Kim Tân	2022-2022	321		280			-						280	
11	San lấp và xây mới cổng, hàng rào nghĩa trang liệt sỹ	Xã Kim Tân	2018-2018	950	-	852	631		631		631			631	221	
12	Cải tạo nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Kim Tân. Hàng mục: Sân vườn, kỷ đài, nhà bia, cột cờ, mộ liệt sỹ	Xã Kim Tân	2020-2021	4.682	2.401	2.030	1.971		1.971		1.971			1.971	59	
13	Các hàng mục phụ trợ trường mầm non xã kim tân. Công trình: Nhà vòm, khu thực nghiệm	Xã Kim Tân	2019-2019	1.085	639	446	321		321		321			321	125	
14	Cải tạo sân vườn trường tiểu học Kim Tân, huyện Kim Thành	Xã Kim Tân	2024-2024	547	503	44			-					-	44	
15	Trường tiểu học Kim Tân, huyện Kim Thành; hàng mục: Nhà bếp ăn, nghỉ bán trú 2 tầng	Xã Kim Tân	2022-2023	3.992	3.570	378	244		244		244			244	134	
16	Trường tiểu học Kim Tân, huyện Kim Thành; Hàng mục: Nhà Đa Năng	Xã Kim Tân	2022-2023	4.615	3.676	884	546		546		546			546	338	
17	Trụ sở làm việc Công an xã Kim Tân, huyện Kim Thành	Xã Kim Tân	2023-2024	6.229	4.092	1.818	2.525 (1.000)		1.525		1.525			1.525	293	
18	Trường Tiểu học Kim Tân, hàng mục: Bể bơi và nhà thay đồ	Xã Kim Tân	2022-2022	3.374	3.220	100	100		100		100			100		

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyet	Lũy kế vốn đã bổ trí đến hết năm 2024	Còn nợ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn giao năm 2025 (trước sắp xếp)	Kế hoạch vốn năm 2025 (sau điều chỉnh)					Trong đó: Thanh toán XD/CB	Phân bổ vốn năm 2025 theo chỉ tiêu phân đầu số kế hoạch vốn giao	Ghi chú
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách địa phương (huyện, xã)	Vốn khác			
19	Cải tạo công, tường rào trường THCS Kim Tân	Xã Kim Tân	2021-2022	500	283	214	214	214		214			214		
20	Xây dựng kê nương giáp điểm dân cư mới thôn Thiên Đông và mở rộng cầu vào trường THCS Kim Tân	Xã Kim Tân	2021-2022	483	190	307	307	307		307			307		
21	Xây dựng kê đường vào trạm y tế xã Kim Tân	Xã Kim Tân	2023-2023	500	434	434	434	434		434			434		
22	Tuyến đường nội đồng từ đường nhựa đến nghĩa trang thôn Viên Chừ, xã Kim Tân	Xã Kim Tân	2020-2021	1.699	1.378	218	218	218		218			218		
23	Tư vấn Khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư số 1 – thôn Viên Chừ, xã Kim Tân, huyện Kim Thành	Xã Kim Tân	2024-2024	186		186		-						186	
24	Tư vấn Khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư số 2 – thôn Viên Chừ, xã Kim Tân, huyện Kim Thành	Xã Kim Tân	2024-2024	186		186		-						186	
25	Tư vấn Khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư số 3 – thôn Viên Chừ, xã Kim Tân, huyện Kim Thành	Xã Kim Tân	2024-2024	190		190		-						190	
26	Tư vấn Khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư số 4 – thôn Viên Chừ, xã Kim Tân, huyện Kim Thành	Xã Kim Tân	2024-2024	190		190		-						190	
27	Tư vấn Khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư số 5 – thôn Hải Ninh, xã Kim Tân, huyện Kim Thành	Xã Kim Tân	2024-2024	191		191		-						191	

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyet	Lũy kế vốn đã bổ trí đến hết năm 2024	Còn nợ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn giao năm 2025 (trước sắp xếp)	Điều chỉnh tăng giảm	Kế hoạch vốn năm 2025 (sau điều chỉnh)					Trong đó: Thanh toán XD/CB	Phân bổ vốn năm 2025 theo chỉ tiêu phân đầu so kế hoạch vốn giao	Ghi chú
									Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NS trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách địa phương (huyện, xã)	Vốn khác			
28	NLH 2 tầng 10 phòng trường Tiểu học Kim Đình	Xã Kim Đình	2020-2021	5.107	4.756	351			-						351	
29	Nhà hiệu bộ trường Tiểu học Kim Đình	Xã Kim Đình	2019-2020	4.770	3.651	33			-						33	
30	Trụ sở công an xã Kim Đình	Xã Kim Đình	2023-2024	6.140	4.412	1.727	1.748		1.748		1.700		48	1.748	27	
31	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Kim Đình	xã Kim đình	2019-2020	1.957	1.946	11	11		11				11	11		
31	Nâng tầng 3 NLH 2 tầng 10 phòng móng 3 tầng trường Tiểu học trung tâm xã Ngũ Phúc	Xã Ngũ Phúc	2023-2024	3.425	2.694	731	2.231 (1.500)		731		422		309	422		
32	NLH 2 tầng 10 phòng móng 3 tầng trường Tiểu học trung tâm xã Ngũ Phúc	xã Ngũ Phúc	2021-2022	8.024	7.648	376	776 (400)		376				376	376		
34	Xây dựng đường GT nội đồng đoạn từ Giếng Lợ Chiềng Ngai xã Ngũ Phúc	Xã Ngũ Phúc	2023-2024	1.130	1.000	130	130		130				130	130		
35	Nâng cấp mở rộng đường giao thông nông thôn thôn Dương Mông xã Ngũ Phúc (đoạn từ nhà ông Thì đến nhà ông Nhân)	Xã Ngũ Phúc	2024-2024	388	-	388	388		388				388	388		
36	XD đường giao thông nội đồng từ đội 18 đến bãi cao thôn Bàng Lai xã Ngũ Phúc	Xã Ngũ Phúc	2023-2023	5.641	5.632	9	9		9				9	9		
37	Xây dựng đường giao thông nội đồng khu vực dọc sâu thôn Dương Mông xã Ngũ Phúc	Xã Ngũ Phúc	2023-2023	392	329	63	63		63				63	63		
32	Xây dựng trụ sở công an xã Ngũ Phúc	Xã Ngũ Phúc	2023-2024	6.522	5.546	976	1.938 (800)		1.138		976		162	1.138		
33	Nhà làm việc một cửa, nhà xe, nhà vệ sinh và sân bê tông trụ sở UBND xã Ngũ Phúc	Xã Ngũ Phúc	2023-2023	3.492	3.109	383	683 (300)		383		383			383		

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyet	Lũy kế vốn đã bổ trí đến hết năm 2024	Còn nợ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn giao năm 2025 (trước sắp xếp)	Điều chỉnh tăng giảm	Kế hoạch vốn năm 2025 (sau điều chỉnh)					Trong đó: Thanh toán XD/CB	Phân bổ vốn năm 2025 theo chỉ tiêu phân đầu số kế hoạch vốn giao	Ghi chú
									Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NS trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách địa phương (huyện, xã)	Vốn khác			
II	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025			27.397	12.292	2.987	2.743	(2.000)	743	-	-	-	743	204	4.390	
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thiên Đông, xã Kim Tân	Xã Kim Tân	2024-2025	1.840	1.170	670	704	(500)	204				204	204	470	
2	Xây dựng tuyến đường trục xã (từ QL 17B đến ngã tư đôi 18), xã Kim Đình	Xã Kim Đình	2024-2025	5.903	4.539	956	1.036	(500)	536				536		500	
3	Đường giao thông nội đồng Sông Mới, xã Kim Đình	Xã Kim Đình	2024-2025	1.034	963	65	3		3				3		65	
4	Trạm y tế xã Kim Đình	Xã Kim Đình	2024-2025	6.425	1.100	555	500	(500)	-						350	
5	NLH 2 tầng 6 phòng trường Mầm non Kim Đình	Xã Kim Đình	2024-2025	8.945	4.520	741	500	(500)	-						500	
1	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Công Dừa xã Kim Tân	Xã Kim Tân	2024-2025	585					-						468	
2	Cải tạo công và đường vào trường Tiểu học Kim Tân	Xã Kim Tân	2024-2025	450					-						274	
3	Nâng cấp cải tạo đường giao thông nội đồng thôn Hải Ninh, xã Kim Tân (đoạn từ đường xóm ra đến khu trang trại ông Khoái)	Xã Kim Tân	2024-2025	486					-						386	
4	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội đồng thôn Thiên Xuân, xã Kim Tân (đoạn từ khu tân đồng ra đến khu chăn nuôi)	Xã Kim Tân	2024-2025	484					-						380	
5	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội đồng số 7, xã Kim Tân (đoạn từ ruộng ông Nhã đến giáp xóm 8)	Xã Kim Tân	2024-2025	485					-						380	
6	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội đồng số 7, xã Kim Tân (đoạn từ ruộng ông Trung đến giáp xóm 8)	Xã Kim Tân	2024-2025	493					-						350	

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyet	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024	Còn nợ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn giao năm 2025 (trước sắp xếp)	Điều chỉnh tăng giảm	Kế hoạch vốn năm 2025 (sau điều chỉnh)						Trong đó: Thanh toán XD/CB	Phân bổ vốn năm 2025 theo chỉ tiêu phân đầu sơ kế hoạch vốn giao	Ghi chú
									Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NS trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách địa phương (huyện, xã)	Vốn khác				
7	Lập nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết, lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới thôn Hải Ninh, tại xã Kim Tân	Xã Kim Tân	2024-2025	267					-							267	
IV	Dự án khởi công mới năm 2025			24.536	-	-	1.500	6.000	7.500	-	-	7.500	-	-		7.500	
	NLH 3 tầng 12 phòng trường THCS Kim Tân	Xã Kim Tân	2025	11.806			1.500 (1.500)		-								
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 05 thôn Hải Ninh, xã Kim Tân	Xã An Thành	2025-2025	7.339				2.402	2.402			2.402				2.402	
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 04 thôn Viên Chũ, xã Kim Tân	Xã An Thành	2025-2025	2.115				1.988	1.988			1.988				1.988	
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 03 thôn Viên Chũ, xã Kim Tân	Xã An Thành	2025-2025	2.445				2.299	2.299			2.299				2.299	
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 2 thôn Viên Chũ, xã Kim Tân	Xã An Thành	2025-2025	331				311	311			311				311	
8	Điều chỉnh quy hoạch cục bộ 3 xã, Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư NTM	Xã An Thành	2025-2025	500				500	500			500				500	

KẾ HOẠCH THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 XÃ AN THÀNH

(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của HĐND xã An Thành)

ĐVT: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Diện tích dự kiến đấu giá	Đơn giá tính tiền sử dụng đất	Thành tiền	Ngân sách xã hưởng theo tỷ lệ điều tiết	Ghi chú
1	TỔNG CỘNG					
I	Nguồn thu từ đấu giá chuyển quyền sử dụng đất	4.817	55	68.802	15.444	
1	Điểm dân cư mới thôn Dường Mông, xã Ngũ Phúc (nay là xã An Thành)	1.716,6	15,5	26.613	3.992	Quý II
2	Điểm dân cư mới thôn Thiên Đông, xã Kim Tân (nay là xã An Thành)	1.332,0	17,5	23.230	3.485	Quý II
3	Điểm dân cư mới thôn Phù Tải II, xã Kim Đình (đội 5, 6)	1.408	10,4	14.638	7.319	Quý II
4	Điểm dân cư mới thôn Thiên Đông, xã Kim Tân (nay là xã An Thành)	360	12,0	4.320	648	Quý IV
III	Xử lý đất dôi dư tại xã					